

Soạn văn 10 bài: Ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa

1. Soạn văn: Ca dao than thân và ca dao yêu thương, tình nghĩa (siêu ngắn) mẫu 1

1.1. Câu 1 (trang 84 sgk ngữ văn 10 tập 1)

Hai lời ca dao than thân có hình thức mở đầu “thân em như...”

- + Âm điệu ngâm ngùi, xót xa.
- + Người than thân ở đây được hiểu là cô gái đang độ xuân thì, ngâm ngùi xót xa khi vẻ đẹp của họ không được trân trọng.
- + Họ không có quyền tự quyết cuộc đời của mình.
- Bài ca 1: người phụ nữ - tấm lụa đào.
- + Thân phận trôi nổi, không tự quyết định được tương lai (phát phơ giữa chợ biết vào tay ai)
- Bài ca 2: người phụ nữ - củ ấu gai (xấu ngoài, đẹp trong)
- + Lời bộc bạch tha thiết của cô gái ý thức được giá trị bản thân
- + Khát khao muốn khẳng định giá trị chân thực vẻ đẹp.
- + Nỗi ngâm ngùi, chua xót cho thân phận người phụ nữ xưa.

1.2. Câu 2 (trang 84 sgk ngữ văn 10 tập 1)

- a) - Sử dụng từ “ai” – đại từ phiếm chỉ để mở đầu bài ca dao, chỉ chung tất cả mọi người - để mở đầu bài ca để chỉ các thế lực ngăn cản tình cảm nam nữ xuất hiện nhiều lần
- + Gọi ra sự than trách nghe xót xa, ngâm ngùi
- b, Cặp ẩn dụ Sao Hôm- sao Mai và mặt Trăng- mặt Trời (để chỉ hai người xứng đôi vừa lứa)
- Biện pháp so sánh “Ta như sao Vượt chờ trăng giữa trời”: tình duyên bị ngăn cách nhưng lòng người đơn phương vẫn chờ đợi, mong mỗi ngày gặp

- Sử dụng hình ảnh thiên nhiên, vũ trụ (tính bền vững) gắn với đời sống của con người, dễ dễ liên tưởng, cũng là để khẳng định tính thủy chung, son sắt của lòng người.

- Hình ảnh thiên nhiên gần gũi đời sống, có vẻ đẹp riêng, ngụ ý, diễn tả tâm hồn c,

c, Câu cuối sử dụng biện pháp so sánh nhằm thể hiện dù mình không nhớ ta thì ta

+ Sao Vượt tên gọi cổ của sao Hôm, đặc tính, mọc sớm vào buổi chiều, sao lên tới đỉnh của bầu trời thì trăng mới mọc

+ Câu thơ khẳng định tấm lòng chung thủy, nghĩa tình son sắt và ý chí vượt qua những rào cản của tình yêu.

1.3. Câu 3 (trang 84 sgk ngữ văn 10 tập 1)

Các thủ pháp diễn tả tình thương nhớ trong bài ca dao và tác dụng:

- Ẩn dụ và hoán dụ

+ Chiếc khăn ẩn dụ cho việc gửi gắm nỗi lòng, tình cảm của cô gái tới chàng trai, chiếc khăn còn là hiện thân của cô gái

+ Đôi mắt: hoán dụ nỗi lòng thao thức vì thương nhớ.

- Phép điệp (lặp từ ngữ)

+ “Khăn thương nhớ ai”: được lặp nhiều lần, nhằm nhấn mạnh, tô đậm nỗi nhớ.

+ Nỗi nhớ có nhiều trạng thái, cung bậc khác nhau.

c, Câu hỏi tu từ “khăn thương nhớ ai- khăn rơi xuống đất? / Đèn thương nhớ ai- Mà đèn chẳng tắt?/ Mắt thương nhớ ai- Mà mắt không yên?

- Tình cảm, sự nhớ nhung, bồn chồn vì người yêu thể hiện trong mọi hoạt động, mọi khung cảnh.

d, Những câu thơ ngắn gồm 4 tiếng: thôi thúc, diễn tả tâm trạng bồn chồn.

Kết hợp với câu lục bát nhằm làm nổi bật sự mong ngóng, trông chờ tới khắc khoải của người con gái.

1.4. Câu 4 (trang 84 sgk ngữ văn 10 tập 1)

Chiếc cầu: hình ảnh ẩn dụ tượng trưng cho sự nối kết khoảng cách tình cảm giữa con người với con người.

+ Chiếc cầu- dải yếm là hình tượng độc đáo, kì lạ trong ca dao, thể hiện khát vọng tình cảm mặn nồng của nam nữ

+ Chiếc cầu phản ánh ước mơ chính đáng của các cặp đôi yêu nhau, đó cũng là ý tưởng táo bạo của cô gái.

Những bài ca dao xuất hiện hình ảnh chiếc cầu cũng với ý nghĩa tương tự:

*Ước gì sông rộng một gang
Để em ngắt ngọn mồng tơi bắc cầu*

1.5. Câu 5 (Trang 84 sgk ngữ văn 10 tập 1)

- Cặp hình ảnh ẩn dụ quen thuộc trong ca dao truyền thống gừng cay- muối mặn

+ Được xây dựng từ hình ảnh thực chỉ gia vị trong bữa ăn hằng ngày.

+ Hình ảnh nghệ thuật có tính sóng đôi, biểu trưng cho hương vị của tình người trong cuộc sống- tình nghĩa thủy chung gắn bó son sắt

+ Bài ca dao nói về tình nghĩa thủy chung, hướng nhiều tới tình nghĩa vợ chồng son sắt, thủy chung

- Ba năm, chín tháng: sự bền lâu, vĩnh cửu

Ba vạn, sáu ngàn ngày là 100 năm: trọn kiếp, suốt đời, vĩnh hằng

→ Bài ca dao là câu hát thủy chung, nghĩa tình hướng tới tình cảm vợ chồng mặn nồng, son sắt

Một số câu ca dao có biểu tượng muối gừng:

*Tay nâng chén muối đĩa gừng
Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau*

1.6. Câu 6 (Trang 84 sgk ngữ văn 10 tập 1)

Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong ca dao:

+ Nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, điệp, nói quá

- Đặc điểm khác biệt: Lấy những sự vật gần gũi cụ thể với người lao động để gọi tên, trò chuyện, so sánh: khăn, con sông, chiếc cầu, vườn hồng...
- Trong khi đó thơ bác học trong văn học sử dụng trang trọng hơn, có nhiều nét phức tạp hơn

1.7. Luyện tập

Bài 1 (Trang 85 sgk ngữ văn 10 tập 1)

- Thân em như hạt mưa sa

Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày

- Thân em như hạt mưa rào

Hạt rơi xuống giếng, hạt vào vườn hoa

- Thân em như trái bần trôi

Gió dập sóng dồi biết tấp vào đâu

- Thân em như miếng cau khô

Kẻ thanh tham mỏng, người thô tham dày

- Thân em như giếng giữa làng

Người khôn rửa mặt, người phàn rửa chân.

Các bài ca dao nói về thân em có sắc thái biểu cảm:

- + Than thân, hờn trách người không biết trân trọng vẻ đẹp của người con gái
- + Sự ý thức cao về giá trị của bản thân của người con gái.

Bài 2 (trang 85 sgk ngữ văn 10 tập 1)

- Nhớ ai như nhớ thuốc Lào

Đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên

- Nhớ ai ra ngấn vào ngơ

Nhớ ai ai nhớ bây giờ nhớ ai?

- Đêm qua ra đứng bờ ao

Trông cá cá lặn trông sao sao mờ

*Buồn trông con nhện giăng tơ
Nhện ơi nhện hỡi nhện chờ mối ai
Buồn trông chênh chếch sao mai
Sao ơi sao hỡi nhớ ai sao mờ.
- Gửi khăn, gửi áo, gửi lời
Gửi đôi chàng mạng cho người đàn ông xa
- Nhớ khi khăn mở trầu trao
Miệng chỉ cười nụ biết bao nhiêu tình.*

Bài ca dao Khăn thương nhớ ai nằm trong hệ thống những bài ca dao nổi nhớ người yêu.

Câu thơ: “Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm” (Nguyễn Khoa Điềm) lấy ý từ ca dao nhưng sáng tạo vượt bậc khi tình cảm nam nữ hòa quyện vào tình yêu đất nước.

2. Soạn văn: Ca dao than thân và ca dao yêu thương, tình nghĩa (siêu ngắn) mẫu 2

Hướng dẫn soạn bài

2.1. Câu 1 (trang 84 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1)

Bài 1,2

- a. Hai lời than thân đều mở đầu bằng “Thân em như...” với âm điệu xót xa, ngậm ngùi, gây ấn tượng cho người nghe. Người than thân là của những cô gái, những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Những số phận bé nhỏ, không có quyền định đoạt hạnh phúc của chính bản thân mình.
- b. Thân phận có nét chung nhưng nỗi đau của từng người lại mang sắc thái riêng được diễn tả bằng hình ảnh so sánh, ẩn dụ khác nhau.

Bài 1:

Cách mở đầu bằng “Thân em như...” cho thấy người phụ nữ ý thức được sắc đẹp, tuổi xuân của mình nhưng số phận lại rẻ mạt, không có quyền quyết định hạnh phúc của mình. Họ như món hàng - “tắm lụa đào” bị bán ở chợ. Ý thức được điều ấy, người phụ nữ gửi gắm tiếng lòng của mình vào hai câu ca dao. Hai câu ca dao ấy đã nói lên nỗi xót xa, lo lắng cho thân phận mình.

Bài 2:

Cũng mở đầu bằng cụm “Thân em như...” nhưng bài này có 4 dòng – dung lượng dài gấp đôi bài trên cho thấy sự ý thức về thân phận của người phụ nữ trở nên rõ ràng, mạnh mẽ hơn. Từ đó, bà ca dao không chỉ đơn giản là khẳng định vẻ đẹp phẩm chất của người phụ nữ nữa mà nó còn là lời mời mọc, mong muốn, khát khao được khẳng định giá trị, vẻ đẹp của những người phụ nữ trong xã hội xưa.

2.2. Câu 2 (trang 84 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1)

Bài 3

a. Nếu như hai bài ca dao trên mở đầu bằng “Thân em như...” thì bài ca dao này lại được mở đầu bằng đại từ phiếm chỉ “Ai” - một từ cũng khá quen thuộc trong ca dao xưa. Trong ca dao, từ “Ai” thường dùng để chỉ các thế lực ép gả, ngăn cản tình yêu và trong bài ca dao này cũng như vậy. “Ai” ở đây có thể là cha mẹ, những hủ tục cưới xin hay cũng có thể là chính người tình...

b. Mặc dù lỡ duyên nhưng tình nghĩa vẫn bền vững, thủy chung. Điều đó được nói lên bằng một hệ thống những hình ảnh của thiên nhiên vũ trụ: mặt trăng, mặt trời, sao Hôm, sao Mai. Tác giả dân gian đã lấy cái vĩnh hằng, bất biến của thiên nhiên, vũ trụ để khẳng định tính bền vững, sự thủy chung trong tình yêu, dù không ở gần nhau nhưng mãi mãi có nhau.

c. Vẻ đẹp của câu thơ cuối: Dẫu không đến được với nhau nhưng chàng trai vẫn một lòng chờ cô gái: “Ta như sao Vượt chờ trăng giữa trời”. Dù cho có cách xa nhưng chàng trai vẫn một lòng thủy chung chờ cô gái dẫu biết tình yêu này là

không thể như sao Vượt chờ mặt trăng ngưng mãi mãi không thể đến gần nhau được.

2.3. Câu 3 (trang 84 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1)

Bài 4:

- Bài ca dao diễn tả tình cảm thương nhớ của lứa đôi yêu nhau qua những biểu tượng bình dị, gần gũi: khăn, đèn, mắt. Tác giả dân gian đã sử dụng phép nhân hóa (khăn, đèn) và phép hoán dụ (mắt) để bộc lộ một cách ý nhị, kín đáo tâm tư, tình cảm của cô gái đối với người mình yêu.

+ Chiếc khăn được hỏi đến đầu tiên và nhiều nhất thể hiện nỗi nhớ triền miên, da diết cùng với đó là sự vận động lên, xuống, rơi, vắt làm hiện lên một cách rõ ràng tâm trạng bất an của người con gái.

+ Ngọn đèn: hiện thân của nỗi nhớ được đo theo thời gian, thể hiện tình yêu của người con gái luôn cháy sáng, không bao giờ lụi tắt.

+ Đôi mắt: là lời bộc bạch trực tiếp nỗi lòng của mình: nhớ thương người yêu nhưng lòng vẫn nặng trĩu ưu tư nên “Mắt ngủ không yên”.

2.4. Câu 4 (trang 84 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1)

Bài 5

- Chiếc cầu – dải yếm là một hình ảnh nghệ thuật chỉ có trong ca dao, nói lên ước muốn mãnh liệt của người dân trong tình yêu. Đây là lời tỏ tình đầy ý nhị của cô gái. Có thể thấy đây là hình ảnh quen thuộc thường xuất hiện trong ca dao:

“Cô kia cắt cỏ bên sông

Muốn sang anh ngả cành hồng cho sang.”

- Đó là những câu cầu không có thực nhưng lại mang đến cho người đọc vẻ đẹp rất dân gian, rất đồng quê và rồi từ đó ước muốn của cô gái trở nên độc đáo, táo bạo hơn:

“Ước gì sông rộng một gang,

Bắc cầu dải yếm để chàng sang chơi.”

- Người con gái đã chủ động bắc cầu cho người mình yêu. Đây là một suy nghĩ rất táo bạo trong xã hội phong kiến đầy những hủ tục, những ràng buộc của lễ giáo. Cái cầu dải yếm này vừa gần gũi thân quen, táo bạo mà trữ tình, lại đậm thắm đầy nữ tính. Nó trở thành biểu tượng đẹp cho tình yêu mà chỉ có tư duy nghệ thuật dân gian mới sáng tạo ra được.

2.5. Câu 5 (trang 84 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1)

Bài 6

- Hình ảnh muối – gừng: được xây dựng từ những hình ảnh có thực trong cuộc sống (gia vị trong bữa ăn) tượng trưng cho tình nghĩa của con người: sự gắn bó thủy chung khi trải qua hết những “vị” của cuộc sống (Gừng cay – muối mặn)
- Giá trị biểu cảm của hình ảnh muối – gừng trong bài ca dao:
 - + Là nghĩa tình chung thủy dành cho những cặp vợ chồng.
 - + Nghĩa tình ấy bền vững như Muối ba năm muối đang còn mặn – Gừng chín tháng gừng hầy còn cay
 - + Hương vị của gừng - muối đã thành hương vị của tình người.
 - + Khẳng định lòng chung thủy sắt son, không bao giờ xa cách.

2.6. Câu 6 (trang 84 sgk Ngữ Văn 10 Tập 1)

- Sự lặp lại cách mở đầu bài ca: Thân em như...
- Những hình ảnh thành biểu tượng trong ca dao: cái cầu, tấm khăn, ngọn đèn, gừng cay – muối mặn,...
- Hình ảnh so sánh, ẩn dụ (lấy từ trong cuộc sống đời thường: tấm lụa đào, củ ấu gai,...; lấy từ thiên nhiên, vũ trụ: mặt trời, trăng, sao).
- Thời gian và không gian nghệ thuật (bài 4).
- Thể thơ lục bát; thể văn bốn, song thất lục bát (biến thể); thể hỗn hợp.



VnDoc.com - Tải tài liệu, văn bản pháp luật, biểu mẫu miễn phí

Trên đây VnDoc.com đã giới thiệu tới bạn đọc tài liệu: [Soạn văn 10 bài: Ca dao than thân, yêu thương tình nghĩa](#). Để có kết quả cao hơn trong học tập, VnDoc xin giới thiệu tới các bạn học sinh tài liệu [Đề thi học kì 1 lớp 10](#), [Soạn bài lớp 10](#), [Học tốt Ngữ văn 10](#), [Tài liệu học tập lớp 10](#) mà VnDoc tổng hợp và đăng tải.